TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HC-PT
Ngày: 20 - 01 - 2022
V/v:"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự
Các Thẩm phán: Ông Đặng Kim Nhân
Bà Lê Thúy Cầu

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Quang Toàn, Thư ký Tòa án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà*:** Ông Phạm Tấn Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 311/2021/TLPT-HC ngày 03 tháng 11 năm 2021 về việc: *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 13/2021/HC-ST ngày 06/8/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo, giữa các đương sự:

**** Người khởi kiện***: Bà Lê Thị T, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Khu dân cư số 10, thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

**** Người bị kiện:***

1. Ủy ban nhân dân huyện B.

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Bà Bùi Thị H - Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B.

Cùng địa chỉ: huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***

1. Ủy ban nhân dân xã B, huyện B.

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B.

Địa chỉ: Xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ T, Trưởng phòng quản lý dự án 3 - Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi (Văn bản ủy quyền ngày 16/7/2021).

Địa chỉ: tỉnh Quảng Ngãi.

3. Ông Lê Đức L, sinh năm 1970.

4. Bà Lê Thị L, sinh năm 1972.

5. Chị Nguyễn Thị Hoàng P, sinh năm 2000.

Cùng địa chỉ: Khu dân cư số 10, thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Đức L, bà Lê Thị L, chị Nguyễn Thị Hoàng P: Ông Nguyễn Vi Q, sinh năm 1950 (Giấy ủy quyền ngày 30/7/2020).

Địa chỉ: huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Người kháng cáo: người khởi kiện bà Lê Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 09/5/2020; các đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung ngày 01/6/2020, ngày 08/6/2020 ngày 30/6/2020; trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người khởi kiện bà Lê Thị T trình bày:*

Theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất 1897, diện tích 225m^2, tờ bản đồ số 02, xã B (Tại km1037 + 454, km1041 + 000), thuộc dự án mở rộng Quốc lộ 1A của Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi, có giới cận: Đông có một phần giáp cận ranh giới đất tục hộ V (hộ Nguyễn T và hộ Hồ Cao V, Nguyễn Thị N được UBND xã B cấp đất từ năm 1995 sử dụng vào mục đích xây dựng nhà ở); Tây giáp Quốc lộ 1A; Nam giáp đường đi nội bộ vào nhà Hồ Cao V, Nguyễn T; Bắc giáp thửa đất số 1856/145m^2 (loại đất T) tờ bản đồ số 07 xã B (nằm trong thửa đất số 1309, diện tích 1026m^2 tờ bản đồ số 06 của hộ gia đình Lê Đức N quản lý sử dụng từ sau năm 1975 mãi cho đến năm 2002 chuyển đổi thành 03 thửa đất nhỏ (loại T) đối với hộ bà Trần Thị H, hộ ông Phạm Châu M, bà Lê Thị T.

Năm 1995, Chủ tịch UBND xã B lấy thửa đất tục hộ V đem cấp cho ba hộ Hồ Cao V, Nguyễn T, Nguyễn Thị N sử dụng vào mục đích xây dựng nhà ở.

Thửa đất tục hô Vườn Huề có nguồn gốc của ông nội bà tên Lê V tạo mãi, có tại trích lục Đại Nam Trung Kỳ Chính Phủ; được Sở Địa chính tỉnh Quảng Ngãi lập năm 1938 thửa số 5245/1000m^2 (đất loại T), tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, sau đó ông Lê V từ trần (không có giấy chứng tử). Sau năm 1975, cha đẻ bà tên Lê Đức N thừa kế đất này. Năm 1977, Phó chủ nhiệm Ban quản trị HTX B đến hỏi gia đình ông N, đại gia đình đã chấp thuận cho xã viên đào mương chảy dọc đường nhựa Quốc lộ 1A lấy nước tưới cho cánh đồng thôn Long Yên và thôn L. Sau đó lấy đất đắp đường đi lên lò gạch đội 10, thửa đất này trở thành thung lũng.

Năm 1979 ông Trịnh L đến hỏi gia đình bà xin trồng mía, qua 01 năm không đạt kết quả, năm 1980 thì trả lại đất cho hộ gia đình bà (có ông Trần Văn C xác nhận). Năm 1982 gia đình bà đổ đất, nâng cấp thửa đất trồng bạch đàn và trồng mì xen kẽ không gặp một cán bộ nào của Ban quản trị HTXNN hoặc chính quyền địa phương xã B đến cản trở hoặc ngăn chặn tranh chấp.

Năm 1983 ông Lê Đức N đã kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, có tên trong Sổ địa chính diện tích 1026m^2, thửa số 02, tờ bản đồ số 6 xã B (gia đình không đưa đất này vào HTX để làm ăn tập thể).

Năm 1989 ông Hồ Xuân B bị tật nguyền nhưng có nghề sửa xe đạp, gia đình bà đã thống nhất cho dựng trại 2mx2m = 4m^2 cận Quốc lộ 1A để sửa xe đạp. Ông Hồ Xuân Q (cha đẻ Hồ Xuân B) âm thầm làm đơn gửi đến UBND xã B, ông Phạm Ngọc T - Chủ tịch UBND xã B ký xác nhận ngày 06/04/1989 cho mượn đất của hộ gia đình bà để ông B có nơi sửa xe đạp tiếp mà không cần qua ý kiến thống nhất của gia đình bà. Năm 1998 ông Hồ Xuân B chết, quán sửa xe đạp bỏ hoang, xuống cấp, đến năm 1999 bão lụt làm quán của ông B trôi chỉ còn lại nền đất nên gia đình bà đã lấy lại đất và đổ đất cấp phối trồng bạch đàn, chắc cây rơm để nuôi bò, quản lý sử dụng mãi cho đến nay không có cơ quan nào của Ban quản trị HTX hoặc chính quyền địa phương xã B đến cản trở hoặc tranh chấp.

Năm 1992 vợ chồng ông Phạm Châu M - Nguyễn Thị N đến xin hỏi mượn đất khoảng 12m^2 cận mặt tiền đường Quốc lộ 1A làm quán nấu rượu độ, bán kiếm sống qua ngày và hứa khoảng thời gian 5 năm (tức là đến năm 1997) thì trả lại đất cho gia đình bà.

Năm 1995 vợ chồng ông Huỳnh Đ - Trần Thị H tiếp tục đến xin mượn đất để dựng túp lều tạm một thời gian 3 năm, đến năm 1998 trả lại đất cho gia đình bà, vì gia đình ông Đ đông anh em. Đến năm 1998 bão lụt lớn, nước ngập, nhà ở của hộ gia đình bà bị trôi nên đến nay không có chứng cứ để nộp cho Tòa.

Năm 1999, hộ gia đình bà đã có đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất loại đất T, thửa số 1309, diện tích 1026m^2, tờ bản đồ số 6, xã B nhưng UBND xã B trù dập, không làm thủ tục cấp. Từ đó gia đình bà phát sinh tranh chấp với UBND xã B đòi lại quyền sử dụng đất của 02 hộ Nguyễn Thị N và Trần Thị H. Đến ngày 10/4/2015, bà Nguyễn Thị N xây tiếp 01 căn phòng, bà trực tiếp ra ngăn chặn yêu cầu chính quyền UBND xã B giải quyết. Ông Nguyễn Văn Hảo - Trưởng Công an xã cùng với ông Phạm Tài T - T pháp xã trực tiếp đến hiện trường nhưng hai ông cấu kết lẫn nhau mượn dây may đồ của ông Huỳnh V ở đội 8, thôn Long Yên trực tiếp đo trên đất hoa màu của gia đình bà đang sử dụng, để cho bà N chặt phá hoa màu lấn chiếm đất của bà và xây dựng tường rào ranh giới. Ông Hảo lẫn ông T đều nói bà N có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà gia đình bà đã có đơn tranh chấp đòi lại từ năm 2001.

Ngày 15/9/2015, UBND huyện B ban hành Công văn số 2129/UBND-NC về việc trả lời và hướng dẫn cho hộ gia đình bà không đúng pháp luật. Nguyên nhân UBND xã B trước năm 2000 tự ý cắt thửa đất số 2, diện 1026m^2, tờ bản đồ số 6 thành 03 thửa nhỏ không đúng pháp luật, đã làm hồ sơ giả mạo, khai man thành thửa 1309, diện tích 2750m^2 trùm luôn đất Vườn Huề lẫn V gộp lại cho là loại đất ĐM giao cho nhân dân ở đội 10 sử dụng, cố ý làm trái pháp luật đất đai năm 1993.

Thửa đất 1897 diện tích 166m^2 (loại đất ONT), tờ bản đồ số 7 xã B lập năm 2002, cán bộ địa chính trích giao cho bà xem để có cơ sở đòi hỏi quyền lợi hợp pháp. Do mở rộng Quốc lộ 1A, gia đình bà quản lý, sử dụng liên tục từ năm 1975 mãi cho đến nay không có một ai tranh chấp. UBND xã B báo cáo đề nghị UBND huyện B bồi thường, hỗ trợ cho ông Hồ Xuân B trái pháp luật vì không đúng đối tượng được bồi thường hỗ trợ nên gia đình bà đã có đơn tố cáo gửi vượt cấp đến Bộ chính trị, Ban chấp hành Trung ương cùng Ủy ban T vụ Quốc hội can thiệp đến UBND tỉnh Quãng Ngãi giải quyết theo thẩm quyền.

UBND huyện B giải quyết việc thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ mở rộng QL1A cho hộ bà không đúng pháp luật gồm: Quyết định số 1548/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 về việc thu hồi đất đang sử dụng của hộ bà; Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 08/01/2019 về việc bồi thường, hỗ trợ kèm theo bản kiểm kê giá trị bồi thường hỗ trợ cho hộ bà. Sau đó, bà khiếu nại, nhưng Chủ tịch UBND huyện B không làm đúng pháp luật, lại ký Quyết định số 1670/QĐ-UBND ngày 04/7/2019 giải quyết bác đơn khiếu nại lần đầu.

Như vậy, đất của gia đình bà theo bản đồ năm 2002 là đất ở nhưng UBND huyện B thu hồi đất hàng năm khác là không đúng nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 1548/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc thu hồi đất đang sử dụng của hộ bà Lê Thị T, ở xã B;

- Hủy Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 08/01/2019 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Lê Thị T, ở xã B, huyện B kèm theo Bảng kê giá trị bồi thường, hỗ trợ Dự án đầu tư xây dựng mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Km1027-Km1045+780, tỉnh Quảng Ngãi, đoạn qua xã B, huyện B cho bà Lê Thị T;

- Hủy Quyết định số 1670/QĐ-UBND ngày 04/7/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị T, ở thôn L, xã B, huyện B.

** Ông Nguyễn Vi Q là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Đức L, bà Lê Thị L, chị Nguyễn Thị Hoàng P thống nhất với lời khai của bà Lê Thị T và bổ sung thêm một số nội dung sau*:

Việc thu hồi đất là thu hồi đất cắt tuyến dọc theo Quốc lộ 1A, nhưng UBND huyện B thu hồi đất làm đường dân sinh là trái pháp luật, nếu muốn mở rộng đường dân sinh thì các hộ dân bên trong phải thương lượng với bà Lê Thị T.

Theo bản đồ năm 2002 thì tất cả 3 thửa đất đều là đất ONT, gia đình bà T đã sử dụng đất từ năm 1975 đến nay thì phải thu hồi đất và bồi thường loại đất ở, không phải loại đất hàng năm khác. UBND xã B cho rằng đất này đã vào Hợp tác xã nông nghiệp B là không có căn cứ. Do đó, yêu cầu Tòa án hủy 03 quyết định của UBND huyện B và Chủ tịch UBND huyện B.

** Tại các Văn bản số 1767/UBND ngày 10/8/2020, số 2072/UBND ngày 10/9/2020, số 855/UBND ngày 12/4/2021, người bị kiện UBND huyện B và Chủ tịch UBND huyện B trình bày:*

Tóm tắt quá trình sử dụng: Vị trí thửa đất bà Lê Thị T đang khởi kiện là thửa đất số 1897, tờ bản đồ số 02 (bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 19/9/2017 thuộc dự án nâng cấp mở rộng Quốc lộ 1A), xã B, diện tích thửa đất 225m^2, diện tích thu hồi 111m^2.

- Về nguồn gốc và quá trình sử dụng: Nguyên thửa đất trên có nguồn gốc do ông bà lưu hạ cho cha mẹ bà T quản lý, sử dụng từ trước năm 1975 (là đất cũ của ông bà bà Lê Thị T). Năm 1977, thửa đất trên được đưa vào HTXNN B quản lý theo quy định; giai đoạn này HTX lấy đất thuộc một phần thửa đất trên để làm gạch ngói, phần diện tích còn lại bỏ hoang; đến năm 1989, HTX cho ông Hồ Xuân Q (ở đội 10, thôn L) mượn phần diện tích đất còn lại thuộc thửa đất trên để

làm quán sửa xe đạp (có giấy mượn đất ghi ngày 30/3/1989 của ông Hồ Xuân Q). Đến năm 2009, do ảnh hưởng cơn bão số 9 nên quán bị sập đổ, gia đình ông Q không sử dụng nữa; lúc này, bà Lê Thị T mới bắt đầu cải tạo lại để trồng cỏ phục vụ chăn nuôi mãi cho đến nay; hộ bà T chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quá trình biến động về số thửa, loại đất, chủ sử dụng đất đối với thửa đất số 1309, tờ bản đồ số số 10: Năm 2002, thửa đất số 1309, tờ bản đồ số số 10 (Bản đồ 299/TTg lập năm 1985), diện tích 2.750m^2 được đo đạc, chỉnh lý thành 09 thửa đất gồm:

Thửa đất số 1815, tờ bản đồ số 7 (bản đồ địa chính năm 2002), diện tích 773m^2, chủ sử dụng là bà Nguyễn Thị N, loại đất T.

Thửa đất số 1856, tờ bản đồ số 7 (bản đồ địa chính năm 2002), diện tích 245m^2, chủ sử dụng là ông Huỳnh Đ, loại đất T.

Thửa đất số 1858, tờ bản đồ số 7 (bản đồ địa chính năm 2002), diện tích 499m^2, chủ sử dụng là ông Nguyễn T, loại đất T.

Thửa đất số 1859, tờ bản đồ số 7 (bản đồ địa chính năm 2002), diện tích 812m^2, chủ sử dụng là ông Hồ Cao V, loại đất T.

Thửa đất số 1897, tờ bản đồ số 7 (bản đồ địa chính năm 2002), diện tích 166m^2, chủ sử dụng là ông Hồ Xuân B, loại đất T.

Thửa đất số 1857/73m^2, loại đất NĐ; thửa đất số 1813/21m^2, loại đất TL, thửa đất số 1861/161m^2 và thửa đất số 1860/140m^2, loại đất ĐM, chủ sử dụng là UBND xã.

Thửa đất 1309, tờ bản đồ số số 10 (bản đồ 299/TTg lập năm 1985), diện tích 2.750m^2 được đo đạc, chỉnh lý thành 09 thửa đất thể hiện trong bản đồ địa chính năm 2002 như trên là do đơn vị đo đạc thực hiện việc đo đạc, chỉnh lý bản đồ theo hiện trạng sử dụng, được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định theo thẩm quyền, đảm bảo quy định của pháp luật, không phải thực hiện thủ tục tách thửa, hợp thửa đất đai.

Nguyên nhân thửa đất 1309, tờ bản đồ số 10 (Bản đồ 299/TTg lập năm 1985), loại đất ĐM, chủ sử dụng là Hợp tác xã nông nghiệp B nhưng đến năm 2002, thửa đất 1897 chuyển thành loại đất ONT, chủ sử dụng đất là ông Hồ Xuân B: Trên cơ sở nguồn gốc thửa đất 1309, tờ bản đồ số 10 (bản đồ 299/TTg lập năm 1985), loại đất ĐM, chủ sử dụng là Hợp tác xã nông nghiệp B; đến năm 1989 Hợp tác xã nông nghiệp B cho ông Hồ Xuân Q (là cha ruột của ông Hồ Xuân B) mượn một phần diện tích đất thuộc thửa đất trên để làm quán sửa xe đạp, đến năm 2001

ông Q để lại quán sửa xe đạp cho ông Hồ Xuân B sử dụng. Do đó, khi đo đạc lại bản đồ địa chính năm 2002 thì đơn vị đo đạc thực hiện đo vẽ, quy chủ theo hiện trạng sử dụng nên vị trí thửa đất hiện ông Hồ Xuân Q mượn, được đo đạc chỉnh lý thành thửa đất số 1897, tờ bản đồ số 07 diện tích 166m^2, loại đất T, chủ sử dụng đất là Hồ Xuân B.

Nguyên nhân thửa đất số 1897, tờ bản đồ số 07 diện tích 166m^2, loại đất T chuyển thành loại đất BHK tại thời điểm thu hồi: Theo quy định tại khoản 3 Điều 4 và khoản 2 Điều 10 Quyết định số 45/2017/QĐ-UBND ngày 10/7/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi quy định: *"Tất cả các trường hợp trích đo, chỉnh lý, trích lục bản đồ địa chính thửa đất, khu đất để lập thủ tục phê duyệt phương án bồi thường, thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, thì bản đồ địa chính thửa đất, khu đất phải được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định..."; "Tham mưu cho UBND cấp huyện xử lý theo thẩm quyền những hành vi xâm hại đến các công trình đo đạc, những hoạt động đo đạc và bản đồ trái với quy định và tham mưu UBND cấp huyện xác định loại đất (đối với các thửa đất chưa có giấy tờ pháp lý) làm cơ sở cho việc thẩm định bản đồ, phục vụ công tác phê duyệt phương án bồi thường, thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất*".

Theo quy định nêu trên thì thửa đất 1897, tờ bản đồ số 07, diện tích 166m^2 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không có các loại giấy tờ pháp lý theo quy định. Do đó, khi thực hiện dự án mở rộng Quốc lộ 1A thì thửa đất được UBND huyện xác định lại loại đất theo hiện trạng sử dụng đất. Vì vậy, thửa đất 1897, tờ bản đồ số 07, diện tích 166m^2 được UBND huyện xác định lại loại đất đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) từ khi thực hiện dự án mở rộng Quốc lộ 1A.

Quá trình thực hiện thu hồi đất và kê khai bồi thường, hỗ trợ tại thửa đất trên: Trên cơ sở kết quả xác nhận của UBND xã B tại thời điểm triển khai thực hiện công tác kiểm kê, áp giá bồi thường xác định nguồn gốc thửa đất số 1897, tờ bản đồ số 02 xã B, có diện tích 225m^2 là do bà Lê Thị T sử dụng, tình trạng tranh chấp không. Do đó, UBND huyện B ban hành Quyết định số 1548/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 thu hồi đất đang sử dụng của hộ bà Lê Thị T với diện tích thu hồi 111m^2, loại đất: Đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK); phê duyệt bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Lê Thị T tại Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 08/01/2019, với tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ là 13.653.000đồng, gồm: bồi thường về đất và hỗ trợ: 13.320.000đồng; bồi thường về cây cối, hoa màu: 333.000đồng.

Quá trình giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị T: Theo Biên bản làm việc ngày 19/3/2019 với Cơ quan Ủy ban Kiểm tra - Thanh tra huyện và Thông báo số

77/TB-UBND ngày 27/3/2019 của Chủ tịch UBND huyện về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Lê Thị T với các nội dung sau: Khiếu nại Quyết định số 1548/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND huyện về việc thu hồi đất đang sử dụng của hộ bà với loại đất: Đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) là không đúng, vì đất bà quản lý, sử dụng là đất ở tại nông thôn (ONT). Yêu cầu điều chỉnh quyết định thu hồi loại đất: Đất ở tại nông thôn (ONT); Khiếu nại Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 08/01/2019 của UBND huyện B về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà với đơn giá đất là 30.000đồng/m^2 là quá thấp; Khiếu nại UBND huyện không cấp đất tái định cư cho hộ bà. 03 nội dung khiếu nại của bà Lê Thị T đã được Chủ tịch UBND huyện thành lập Đoàn công tác liên ngành tại Quyết định số 834/QĐ-UBND ngày 29/3/2019 để thẩm tra, xác minh và kết luận nội dung khiếu nại. Qua kết quả thẩm tra, xác minh, Đoàn công tác liên ngành đã tổ chức đối thoại và báo cáo kết quả cho Chủ tịch UBND huyện tại Báo cáo số 62/BC-TCT ngày 28/6/2019. Đến ngày 04/7/2019, Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số 1670/QD-UBND bác toàn bộ nội dung khiếu nại của bà Lê Thị T và giữ nguyên nội dung các Quyết định số 1548/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND huyện về việc thu hồi đất và Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 08/01/2019 của UBND huyện về việc bồi thường, hỗ trợ và không bố trí tái định cư cho hộ bà Lê Thị T.

Như vậy, về loại đất thu hồi: UBND huyện có đủ chứng cứ chứng minh đất bà T sử dụng là đất bằng hàng năm khác nên UBND huyện thu hồi, bồi thường loại đất, giá đất là đúng pháp luật.

Về ý kiến của ông Nguyễn Vi Q thu hồi đất của bà T làm đường dân sinh: Việc thu hồi 111m^2 đất của bà Lê Thị T đang sử dụng tại thửa đất 1897, tờ bản đồ số 02 là để thực hiện dự án đầu tư xây dựng mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Km 1027-Km 1045+780 tỉnh Quảng Ngãi. Theo bản vẽ thi công được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt tại Quyết định số 2522/QĐ-BGTVT ngày 15/8/2016 về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công gói thầu 21-BS, Km1309+600 -Km 1045+780, dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Km1027-Km 1045+780, tỉnh Quảng Ngãi và một phần diện tích để làm điểm vuốt nối đường vào với đường Quốc lộ 1 nhằm đảm bảo êm thuận, tạo thông thoáng nút giao. Từ nội dung trên cho thấy, việc xác lập hồ sơ bồi thường đối với 111m^2 thuộc một phần thửa đất 1897, tờ bản đồ số 02, xã B đối với hộ bà Lê Thị T là đảm bảo hồ sơ phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công của Bộ Giao thông vận tải phê duyệt tại Quyết định số 2522/QĐ-BGTVT ngày 15/8/2016, đảm bảo theo bản đồ địa chính thửa đất được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 19/9/2017.

Từ những nội dung nêu trên UBND huyện nhận thấy: Việc UBND huyện B ban hành Quyết định số 1548/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 về thu hồi đất đang sử dụng của hộ bà Lê Thị T và Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 08/01/2019 về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Lê Thị T đối với diện tích 111m^2 thuộc thửa đất số 1897, tờ bản đồ số 02, xã B (Bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 19/9/2017), loại đất: Đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) là đúng quy định của pháp luật. Việc Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số 1670/QĐ-UBND ngày 04/7/2019 về giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị T, ở thôn L, xã B là đảm bảo đúng pháp luật.

** Tại Báo cáo số 30/BC-UBND ngày 13/8/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã B trình bày:*

Kiểm tra các loại bản đồ lưu giữ tại UBND xã: Bản đồ 299/TTg đo vẽ năm 1985: Thửa đất số 1309, diện tích 2750m^2, loại đất ĐM, tờ bản đồ đội 10, xã B, chủ sử dụng đất Hợp tác xã nông nghiệp B; Bản đồ đo vẽ năm 2003 thửa đất số 1897, diện tích 166m^2, loại đất ONT, tờ bản đồ số 07, xã B, chủ sử dụng đất ông Hồ Xuân B. Bản đồ dự án nâng cấp mở rộng Quốc lộ 1 đo năm 2016 thửa đất số 1897, diện tích 225m^2, loại đất BHK, tờ bản đồ số 02, xã B.

Nguồn gốc thửa đất: Ông Hồ Xuân B đổ đất san lấp mặt bằng trên một phần thửa đất số 1309, loại đất ĐM, tờ bản đồ đội 10 (Bản đồ 299/TTg), xã B, đất do HTXNN B quản lý để xây dựng quán sửa xe đạp từ năm 1987 đến năm 2008, ông B đau chết để lại cho em ruột là ông Hồ Xuân B tiếp tục sử dụng sửa xe đến năm 2009 bão số 09 làm sập quán. Ông Hồ Xuân B sử dụng trồng cỏ, đến năm 2016 bà Lê Thị T có đơn tranh chấp được Ban quản lý dự án Quốc lộ 1 và UBND huyện đã giải quyết cho bà Lê Thị T nhận tiền bồi thường giải phóng mặt bằng dự án đã thi công xong.

Quan điểm của UBND xã B: Quyết định thu hồi của UBND huyện B diện tích 111m^2 đất đối với thửa đất 1897, loại đất BHK là đúng theo hiện trạng sử dụng đất và theo quy định pháp luật.

** Tại Công văn số 438/BQL-PTQĐ ngày 05/4/2021 về việc cung cấp thông tin liên quan đến hồ sơ bồi thường của hộ bà Lê Thị T bị ảnh hưởng giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng Quốc lộ 1, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi trình bày*:

Về công tác thu hồi đất: UBND huyện B đã ban hành Quyết định số 1548/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 về việc thu hồi đất đang sử dụng của hộ bà Lê Thị T, ở xã B, với tổng diện tích thu hồi là 111m^2, loại đất trồng cây hàng năm khác (BHK).

Về công tác bồi thường, hỗ trợ: UBND huyện B đã ban hành Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 08/01/2019 về bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Lê Thị T, ở xã B, huyện B, với tổng số tiền là 13.653.000đồng.

- Về công tác chi trả tiền bồi thường: Hộ bà Lê Thị T đã nhận tiền bồi thường và bàn giao mặt bằng vào ngày 09/01/2019.

** Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:*

Việc UBND huyện B ban hành Quyết định số 1548/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 về thu hồi đất đang sử dụng của hộ bà Lê Thị T; Quyết định số 56/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Lê Thị T là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Do đó, Quyết định số 1670/QĐ-UBND ngày 04/7/2019 của Chủ tịch UBND huyện B về giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Lê Thị T cũng đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn khởi kiện của bà Lê Thị T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 13/2021/HC-ST ngày 06/8/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206, khoản 1 Điều 348 Luật Tố tụng hành chính; Điều 11 và các Điều 62, 66, 69, 74, 75, 76, 83 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 3 Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; khoản 1 Điều 5 Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Điều 18, Điều 27, Điều 29, Điều 30 và Điều 31 Luật Khiếu nại năm 2011; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T về việc yêu cầu Tòa án hủy:

- Quyết định số 1548/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc thu hồi đất đang sử dụng của hộ bà Lê Thị T, ở xã B;

- Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 08/01/2019 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Lê Thị T, ở xã B, huyện B kèm theo Bảng kê giá trị bồi thường, hỗ trợ Dự án đầu tư xây dựng mở rộng Quốc lộ 1 đoạn

Km1027-Km1045+780, tỉnh Quảng Ngãi, đoạn qua xã B, huyện B cho bà Lê Thị T;

- Quyết định số 1670/QĐ-UBND ngày 04/7/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị T, ở thôn L, xã B, huyện B.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Kháng cáo:

Ngày 13/8/2021, ngày 23/8/2021, ngày 27/8/2021 và ngày 06/10/2021 người khởi kiện bà Lê Thị T nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Lê Thị T giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu cho rằng từ năm 2009 bà T sử dụng thửa đất số 1897 vào mục đích trồng cỏ, tách biệt với thửa đất có nhà ở của bà. Khi thực hiện dự án mở rộng Quốc lộ 1A, Ủy ban nhân dân huyện B ra quyết định thu hồi của bà T 111m^2, loại đất trồng cây hằng năm theo hiện trạng sử dụng đất là phù hợp với Điều 11 Luật Đất đai năm 2013. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà T yêu cầu bồi thường theo giá đất ở, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất: Thửa đất số 1897, tờ bản đồ số 02 xã B (bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 19/9/2017 thuộc dự án nâng cấp mở rộng Quốc lộ 1A), diện tích 225m^2, loại đất BHK có nguồn gốc do ông bà để lại cho cha mẹ bà T quản lý, sử dụng từ trước năm 1975, thuộc một phần thửa đất số 5245, tờ bản đồ số 05, thôn Long Giang, xã Bình Trung, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Năm 1977, thửa đất trên đưa vào Hợp tác xã nông nghiệp B quản lý. Theo bản đồ 299/TTg đo vẽ năm 1985, là thửa đất số 1309, tờ bản đồ số 10, diện tích 2.750m^2, loại ĐM, chủ sử dụng đất là Hợp tác xã nông nghiệp B. Năm 1989, Hợp tác xã cho ông Hồ Xuân Q (ở đội 10, thôn L) mượn một phần diện tích đất để làm quán sửa xe đạp theo Giấy mượn đất ghi ngày 30/3/1989 (bút lục 130). Năm 2002, thửa đất số 1309, tờ bản đồ số 10 (bản đồ 299/TTg lập năm 1985), diện tích 2.750m^2 được đo đạc, chỉnh lý thành 09 thửa đất khác nhau; trong đó có thửa đất số 1897, tờ bản đồ số 07, diện tích 166m^2.

[2] Theo bản đồ năm 2002, thửa đất số 1897, tờ bản đồ số 07, diện tích 166m^2, ghi loại đất ONT, chủ sử dụng là ông Hồ Xuân B (con ông Hồ Xuân Q)

nhưng ông chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo giải trình của UBND xã B; năm 2002, khi thực hiện chủ trương của nhà nước đo đạc lại bản đồ và thống kê diện tích, loại đất, chủ sử dụng đất theo hiện trạng; trên đất có quán sửa xe đạp của anh em ông Hồ Xuân B và Hồ Xuân B nên đã thống kê chủ sử dụng đất theo hiện trạng là ông Hồ Xuân bảy và loại đất là ONT. Đến năm 2009 do bão số 09 nên quán sửa xe bị sập, gia đình ông Q không sử dụng nữa; lúc này, bà Lê Thị T mới bắt đầu sử dụng đất trồng cỏ phục vụ chăn nuôi cho đến thời điểm thu hồi đất năm 2018; bà T chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3] Với nguồn gốc, quá trình sử dụng đất nêu trên, việc xác định thửa đất số 1897, tờ bản đồ số 07, diện tích 166m^2, chủ sử dụng đất ông Hồ Xuân B vào năm 2002 loại đất ONT là không đúng quy định của pháp luật vì thửa đất có nguồn gốc là đất màu (ĐM) do Hợp tác xã nông nghiệp B quản lý, thửa đất chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất màu sang đất ở.

[4] Bà Lê Thị T cho rằng gia đình bà trực tiếp sử dụng đất liên tục từ năm 1975 đến nay vào mục đích đất ở; năm 1999 bà đã làm đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Thực tế, bà T không xây dựng nhà ở trên thửa đất này, chỉ trồng cỏ trên đất.

[5] Do đó, trên cơ sở xác nhận của UBND xã B về loại đất, nguồn gốc sử dụng thửa đất số 1897 nêu trên; UBND huyện B ban hành Quyết định số 1548/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 thu hồi đất đang sử dụng của hộ bà Lê Thị T với diện tích thu hồi 111m^2, loại đất: đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) là đúng quy định tại Điều 11 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 3 Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai: *"Trường hợp đang sử dụng đất ổn định mà không phải do lấn, chiếm, chuyển mục đích sử dụng đất trái phép thì loại đất được xác định theo hiện trạng đang sử dụng"*. Kháng cáo của bà T yêu cầu bồi thường 111m^2 theo giá đất ở là không có cơ sở.

[6] Kháng cáo của bà T cho rằng UBND huyện B thu hồi đất cắt tuyến dọc theo Quốc lộ 1A nhưng lại thu hồi đất để làm đường dân sinh trái pháp luật là không có cơ sở. Theo điểm j mục 3.1 phần 3 Điều 1 Quyết định số 2522/QĐ-BGTVT ngày 15/8/2016 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công gói thầu 21-BS, Km 1039+600-Km1045+780, Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng Quốc lộ 1A đoạn Km1027+000 – Km1045+780, tỉnh Quảng Ngãi quy định: *"...Trên phạm vi gói thầu có 38 đường dân sinh. Thiết kế vuốt nối vào đường cũ theo tiêu chuẩn hình học hiện tại, đảm bảo độ êm thuận cho xe lên xuống"*. Do đó, việc thu hồi 111m^2 của thửa đất số 1897, tờ bản đồ số 02 xã B theo vị trí tại Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 10/11/2018 là đảm bảo theo hồ sơ phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công của Bộ Giao thông vận tải.

[7] UBND huyện B ban hành Quyết định thu hồi đất số 1548/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 và Quyết định bồi thường, hỗ trợ số 56/QĐ-UBND ngày 08/01/2019 là đúng quy định của pháp luật và Chủ tịch UBND huyện B giải quyết bác khiếu nại của bà Lê Thị T tại Quyết định số 1670/QĐ-UBND ngày 04/7/2019 là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T là đúng, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị T.

[8] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Lê Thị T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

Áp dụng Điều 11 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 3 Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Lê Thị T.

2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 13/2021/HC-ST ngày 06/8/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

3. Án phí hành chính phúc thẩm:

Bà Lê Thị T phải chịu 300.000đ, đã nộp tại biên lai số 0000660 ngày 19/10/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Tự

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.